TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2019/HS-ST
Ngày: 23-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG,TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Dệt

Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký phiên tòa : Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Khắc B, sinh ngày 27/7/1991

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 6, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Khắc L và bà Lê Thị K; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự.

Bị tạm giữ 09 ngày, từ ngày 27/6/2018 đến ngày 06/7/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 05/10/2018 bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 01/12/2018 bắt theo lệnh truy nã, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Trọng B1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:*

1. Lê B2, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Lê Thị N1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

3. Nguyễn Minh Q, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 6, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
4. Bùi Đình L1, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 6, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 26/6/2018 Lê Khắc B đi xe đạp đến nơi ông Lê Trọng B1 đang chạy máy cày hỏi mượn xe mô tô để đi đánh lô đề và hẹn 01 giờ sau sẽ trả xe. Ông B1 đồng ý cho B mượn xe, loại xe Wave ZX màu đen - trắng, BKS 36K9- 5745. B để lại xe đạp và dùng xe máy vừa mượn của ông B1 đi ghi số lô, số đề nhưng đã hết thời gian nên không ghi được. Lúc này B nảy sinh ý định cầm cố xe máy của ông B1 lấy tiền tiêu xài nên B đi đến xã T1 đoạn gần trường THPT Nông Cống 4 thì gặp Lê B2, Bùi Đình L1, Nguyễn Minh Q và Lê Thị N1 đi ngược chiều. B nói với Q và N1 muốn cầm cố chiếc xe để lấy tiền. Anh Q, chị N1 đồng ý cho B cầm cố xe để vay số tiền 1.500.000đ. Do trong người chỉ còn 1.000.000đ nên chị N1 đưa trước cho B và hẹn lần sau đưa nốt số tiền còn lại. Anh Q nhận xe và giao chiếc xe này cho B2 đi. Lấy được tiền, B đi mua ma túy hết 200.000đ và cùng Lê B2 sử dụng. Sau khi B và B2 sử dụng xong ma túy, B2 chở B đến khu vực cầu Quan rồi để B xuống ven đường, còn B2 đi xe đến quán nét nhà anh G ở thôn 6, xã T. B2 đang đứng trước quán thì gặp ông B1, ông B1 hỏi tại sao B2 lại đi xe máy nhà ông. B2 trả lời chiếc xe này đã được B cầm cố với giá 2.500.000đ và bảo ông B2 chuẩn bị tiền để chuộc xe. Ông B2 đã đến nhà ông Lê Khắc L (Bố đẻ Lê Khắc B) và yêu cầu ông L chuộc xe. Tuy nhiên, gia đình ông L không có khả năng chuộc xe cho ông B2, nên ông B2 đã đến Công an huyện Nông Cống trình báo. Ngày 27/6/2018 Lê Khắc B đến Công an huyện Nông Cống đầu thú.

Theo bản kết luận định định giá tài sản số 42/ĐGTS ngày 30/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống kết luận:

Xe mô tô Wave ZX, số khung HC09075Y021952, số máy HC09E5049938, Biển kiểm soát 36K9-5745, tình trạng đã qua sử dụng có giá trị 7.500.000đ.

Do gia đình B không chuộc xe nên ông B1 đã đưa cho anh Q 1.000.000đ để chuộc xe. Ngày 28/6/2018 khi biết chiếc xe B cầm cố là tài sản do phạm tội mà có, anh Q đã giao nộp xe cho Cơ quan điều tra (sau đây viết tắt là CQĐT) Công an huyện Nông Cống. Đến nay bị cáo B đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại số tiền dùng để chuộc xe là 1.000.000đ.

Anh Q là người nhận cầm cố xe, chị N1 là người đưa tiền cho B và anh B2 là người sử dụng chiếc xe của ông B1 sau khi B đã cầm cố. Anh Q, chị N1 và anh

B2 không biết chiếc xe của B là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh Q, chị N1 và anh B2.

Xe mô tô Wave ZX biển kiểm soát 36K9-5745 theo đăng ký thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1967; trú tại: thôn 6, xã Trung Chính, huyện Nông Cống. Bà L2 khai báo đã bán chiếc xe này cho ông B1 năm 2010 với giá 9.500.000đ, khi mua không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu mà chỉ viết giấy tay với nhau và giao nhận tiền cùng giấy tờ xe.

Ngày 05/10/2018 B trốn khỏi địa phương, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống đã yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 01/12/2018 CQĐT bắt được Lê Khắc B và ra quyết định đình nã. Ngày 03/12/2018 VKSND huyện Nông Cống ra quyết định phục hồi điều tra vụ án.

Ngày 09/7/2018 CQĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho ông B1 chiếc xe mô tô Wave ZX, Biển kiểm soát 36K9-5745

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm gì.

Đối với số tiền 1.000.000đ mà N1 đã đưa cho B, sau khi sự việc phát hiện, ông Lê Khắc L (bố đẻ bị cáo) đã giao lại cho chị N1, chị N1 đã nhận và không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS, ngày 12/12/2018 của VKSND huyện Nông Cống truy tố Lê Khắc B về tội " Lạm dụng tín hiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) lên cho bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của CQĐT Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, VKSND huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại BLHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng

khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai giai đoạn điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở chứng minh: Vào chiều ngày 26/6/2018 tại cánh đồng thôn 5, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Lê Khắc B đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bằng hình thức mượn xe của ông Lê Trọng B1 người cùng thôn đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Giá trị tài sản mà bị cáo lạm dụng chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá 7.500.000đ thuộc định lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS. Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện tội phạm để trừng trị, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt và răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: Bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS,

- Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện ma túy. Sau khi được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. CQĐT đã Quyết định truy nã. Theo quy định tại khoản Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng án treo.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện môi trường giáo dục cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, tài sản lạm dụng đã được khắc phục xong nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là HSST).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Khắc B phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Lê Khắc B 06 (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bắt 01/12/2018 (được trừ 09 ngày tạm giữ trước đó).

Về án phí: Bị cáo Lê Khắc B phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND huyện Nông Cống;
-Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
-Bị cáo, bị hại;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình